TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2026/HS-PT

Ngày 17 - 3 - 2026

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 488/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 11 năm 2025. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 456/2025/HS-ST ngày 14/8/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1986; nơi cư trú: số A, Tỉnh lộ 10, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoàng P, sinh năm 1962 và Đặng Thị T1, sinh năm 1958; bị cáo có chồng Vương Gia P1, sinh năm 1966 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2024 đến nay (vắng mặt).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Đoàn Trọng N, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (vắng mặt).

(Trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH D (sau dây gọi tắt là Công ty D) thành lập, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp, mã số doanh nghiệp: 3702792418, cấp lần đầu ngày 22/07/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/06/2020, địa chỉ: Số C đường M, khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), vốn đầu tư là 3.500.000.000 đồng, bà Zhang N1, quốc tịch: Trung Quốc là Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán vải, tơ, sợi dệt, phụ kiện may mặc, giày dép, vali, cặp, túi, ví, ghế sofa, hàng da và giả da khác.

Ngày 22/7/2019, bà Z NaNa thuê Trần Thị Cẩm T đứng tên chủ sở hữu Công ty và thực hiện công việc giới thiệu sản phẩm, thu hồi công nợ từ khách hàng. Ngày 18/6/2020, bà Z NaNa làm thủ tục thay đổi người đứng tên chủ sở hữu giấy phép Công ty D từ Trần Thị Cẩm T sang tên bà Hoàng Thị H. Khi thành lập Công ty, bà Z NaNa mở tài khoản Ngân hàng số 65310000541322 tên Công ty D tại Ngân hàng B - Chi nhánh T2 trực tiếp quản lý và sử dụng.

Tháng 6/2021, bà Z NaNa tiếp tục liên hệ Trần Thị Cẩm T đến làm việc cho Công ty với công việc thu hồi công nợ, giới thiệu sản phẩm cho khách hàng. Bà Zhang N1 giao con dấu và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty D cho T quản lý, sử dụng nhưng không giao quyền sử dụng con dấu vào mục đích giao dịch tài khoản Ngân hàng B của Công ty.

Khoảng đầu tháng 9 năm 2021, do cần tiền để kinh doanh và sử dụng cá nhân, đồng thời lợi dụng việc bà Z NaNa về Trung Quốc và không kiểm tra được số dư trong tài khoản ngân hàng, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản Ngân hàng B của Công ty, T tìm hiểu quy trình rút tiền bằng Séc của Ngân hàng B, sau đó tự ký tên giả chữ ký của bà Zhang N1, sử dụng con dấu của Công ty D đóng lên các chứng từ ngân hàng (tờ Séc) nộp vào Ngân hàng, nhiều lần thực hiện rút tiền từ tài khoản 65310000541322 tại Ngân hàng B của Công ty. T đã thực hiện rút tiền tại các chi nhánh Ngân hàng B như sau:

Ngày 23/9/2021, T đến Ngân hàng B - chi nhánh B1 ký giả chữ ký của bà Zhang N1, đóng dấu Công ty D trên giấy đề nghị cung ứng SÉC của Ngân hàng. Sau khi kiểm tra, nhân viên ngân hàng đưa cho T 20 tờ SÉC có số từ GL 558891 đến số GL 558910, T tiếp tục ghi thông tin người nhận tiền là Trần Thị Cẩm T và ký giả chữ ký, giả chữ viết họ tên bà Z NaNa rồi đóng dấu Công ty D trên chữ ký

giả bà Z NaNa trên 20 tờ SÉC, T nộp các tờ SÉC hoàn chỉnh cho Ngân hàng, những tờ SÉC viết bị lỗi thì T hủy bỏ. Sau đó, nhân viên ngân hàng thực hiện quy trình kiểm tra, đối chiếu chứng từ, không phát hiện bất thường trong thủ tục đề nghị cung ứng SÉC nên tiến hành giao dịch cho T rút tiền trong tài khoản ngân hàng B của Công ty. T đã thực hiện 09 giao dịch tại Ngân hàng B - chi nhánh B1 và 03 giao dịch tại Ngân hàng B - chi nhánh T2 gồm:

Tại Ngân hàng B - chi nhánh B1: ngày 23/9/2021 rút tờ séc số GL558891 số tiền 30.000.000 đồng (ba mười triệu đồng); ngày 28/9/2021 rút tờ séc số GL558893 số tiền 30.000.000 đồng (ba mười triệu đồng); ngày 04/10/2021 rút tờ séc số GL558895 số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); ngày 11/10/2021 rút tờ séc số GL558896 số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng); ngày 18/10/2021 rút tờ séc số GL558900 số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng); ngày 01/11/2021 rút tờ séc số GL558905 số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); ngày 09/11/2021 rút tờ séc số GL558904 số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng); ngày 23/11/2021 rút tờ séc số GL558909 số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); ngày 29/11/2021 rút tờ séc số GL558910 số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng)

Tại Ngân hàng B - chi nhánh T2: ngày 03/11/2021 rút tờ séc số GL558901 số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng); ngày 07/12/2021 rút tờ séc số GL558903 số tiền 39.500.000 đồng (ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng); ngày 08/12/2021 rút tờ séc số GL558908 số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Ngày 03/11/2021, T đến Ngân hàng B - chi nhánh T2 đề nghị cung ứng 20 tờ SÉC từ số GL 768881 đến số GL 768900 và thực hiện cách thức như trên. T sử dụng các tờ SÉC do Ngân hàng B - chi nhánh T2 cấp, sau đó thực hiện 01 giao dịch tại Ngân hàng B - chi nhánh T2 và 05 giao dịch tại Ngân hàng B - Phòng G - chi nhánh T3 gồm:

Tại Ngân hàng B - chi nhánh T2: ngày 16/12/2021 rút tờ séc số GL768881 số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

Tại Ngân hàng B - Phòng G - chi nhánh T3: Ngày 23/12/2021 rút tờ séc số GL768882 số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng); ngày 30/12/2021 rút tờ séc số GL768883 số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng); ngày 17/01/2022 rút tờ séc số GL768884 số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng); ngày 26/01/2022 rút tờ séc số GL768885 số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng); ngày 21/02/2022 rút tờ séc số GL768886 số tiền 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Trần Thị Cẩm T đã làm giả 02 giấy đề nghị cung ứng SÉC và 18 tờ SÉC để thực hiện 18 giao dịch rút tiền trong tài khoản ngân hàng của Công ty D với tổng số tiền là 1.536.500.000 đồng (một tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Tháng 3 năm 2023, bà Zhang N1 qua Việt Nam phát hiện Trần Thị Cẩm T rút hết tiền trong tài khoản Công ty đã làm đơn tố giác hành vi chiếm đoạt tài sản của Trần Thị Cẩm T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tạm giữ: 01 con dấu đỏ có tên Công ty TNHH D và 01 con dấu khắc chữ ký của bà Zhang N1.

Tại Kết luận giám định số 363/KL-KTHS (TL) ngày 07/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên của bà Zhang N1 và chữ ký chữ viết "Zhang NaNa" trên 18 tờ Séc không phải cùng một người ký ra. Chữ ký, chữ viết họ tên "Trần Thị Cẩm T" và chữ viết trên 02 giấy đề nghị cung ứng Séc và 18 tờ Séc so với chữ ký, chữ viết của Trần Thị Cẩm T do cùng một người ký và viết ra. Hình dấu tròn có nội dung "*M.S.D.N: 3702792418 - C.T.T.N.H.H *TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH D" trên 02 giấy đề nghị cung ứng Séc và 18 tờ Séc có nguồn gốc từ cùng một con dấu đóng ra.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Thị Cẩm T đã trả lại cho bà Z NaNa số tiền 1.536.500.000 đồng (một tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Z NaNa không yêu cầu gì thêm và làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo T.

Tại Cáo trạng số 253/CT-VKSBD-P1 ngày 25/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Trần Thị Cẩm T tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 456/2025/HS-ST ngày 14/8/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Trần Thị Cẩm T 08 (tám) tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Trần Thị Cẩm T 04 (bốn) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/8/2025, bị cáo Trần Thị Cẩm T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị Cẩm T 08 (tám) tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, 04 (bốn) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng người đúng tội. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T không xuất trình tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Cẩm T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị cáo Trần Thị Cẩm T vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa ngày 22/01/2026 và phiên tòa ngày 17/3/2026 bị cáo Trần Thị Cẩm T vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa; Luật sư Đoàn Trọng N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình

sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt bị cáo và người bào chữa của bị cáo.

[2] Về nội dung vụ án: Tháng 6 năm 2021, bà Z NaNa là người đại diện theo pháp luật Công ty D thuê bị cáo Trần Thị Cẩm T làm việc cho Công ty với công việc thu hồi công nợ, giới thiệu sản phẩm cho khách hàng. Bà Zhang N1 giao con dấu và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty D cho bị cáo T quản lý, sử dụng nhưng không giao quyền sử dụng con dấu vào mục đích giao dịch tài khoản Ngân hàng B của Công ty.

Do cần tiền để kinh doanh và sử dụng vào mục đích cá nhân, đồng thời lợi dụng việc bà Z NaNa về Trung Quốc và không kiểm tra được số dư trong tài khoản ngân hàng, bị cáo T đã có hành vi gian dối, giả chữ ký bà Z NaNa và đóng dấu Công ty D trên 02 giấy đề nghị cung ứng SÉC và ghi thông tin người nhận tiền là Trần Thị Cẩm T, ký giả chữ ký, giả chữ viết họ tên bà Z NaNa rồi đóng dấu Công ty D trên các tờ SÉC do Ngân hàng cấp, sau đó thực hiện rút tiền từ tài khoản Công ty D tại Ngân hàng B - chi nhánh B1, chi nhánh T2 và Phòng G - chi nhánh T3 nhằm chiết đoạt số tiền là 1.536.500.000 đồng (một tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo Trần Thị Cẩm T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người đúng tội, không oan sai.

[3] Về phần hình phạt:

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như: Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo "phạm tội 02 lần trở lên"; Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại nên đã áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo là có căn cứ.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo có nộp các chứng cứ thể hiện bị cáo đang có thai, đây là tình tiết giảm nhẹ mới mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa thể xem xét cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Xét, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là tình tiết đặc biệt để xem xét cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị

cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

[4] Do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo nên bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 355, Điểm c Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1/ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Cẩm T; sửa bản án sơ thẩm.

2/ Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Cẩm T 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

3/ Về án phí: Bị cáo Trần Thị Cẩm T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý **Ngô Mạnh Cường** **Trần Thị Hòa Hiệp**